

Số: **4704**/TTr-TNMT-CTR

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2014

TỜ TRÌNH

Về điều chỉnh đơn giá tiếp nhận và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nhà máy xử lý chất thải rắn đô thị do Công ty Cổ phần Vietstar làm chủ đầu tư.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố.

1. Cơ sở pháp lý:

- Căn cứ Quyết định số 5875/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 của Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh (xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi);
- Căn cứ Quyết định số 3061/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn Tây Bắc tại xã Phước Hiệp, xã Thái Mỹ huyện Củ Chi;
- Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2009 về kiện toàn nhân sự Tổ công tác liên ngành thẩm định các dự án xử lý chất thải rắn tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2012 về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố;
- Căn cứ Thông báo số 2296/TB-TNMT-VP ngày 15 tháng 4 năm 2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường về nội dung kết luận cuộc họp của Tổ công tác liên ngành thẩm định các dự án xử lý chất thải rắn tại thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Công ty Cổ phần Vietstar;
- Căn cứ Biên bản họp Tổ công tác liên ngành ngày 13 tháng 6 năm 2014 về thẩm định đơn giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Công ty Cổ phần Vietstar;
- Căn cứ Tờ trình số 20140206/TTr-VST ngày 6 tháng 02 năm 2014 về kiến nghị điều chỉnh đơn giá xử lý rác đối với Nhà máy xử lý chất thải rắn đô thị Vietstar.
- Căn cứ Công văn số 01-2014/GT-VST ngày 22 tháng 4 năm 2014 về giải trình về việc bổ sung bảng phân tích chi phí xử lý rác theo thông tư 06/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 03 năm 2008 và một số nội dung điều chỉnh hợp đồng của Công ty Cổ phần Vietstar.

2. Nội dung thẩm định đơn giá:

2.1. Báo cáo và giải trình của Công ty Cổ phần Vietstar:

a. Thông tin chung:

- Tên dự án: Nhà máy xử lý chất thải rắn đô thị Vietstar.
- Chủ đầu tư : Công ty Cổ phần Vietstar.
- Tổng mức đầu tư: 50,4 triệu USD, trong đó: 35% vốn chủ sở hữu và 65% vốn vay.
- Diện tích: 29ha.
- Công suất xử lý: giai đoạn 1 là 600 tấn/ngày và giai đoạn 2 là 1.200 tấn/ngày.
- Công nghệ: chế biến compost và tái chế nhựa.
- Thời gian hoạt động: đến hết ngày 04/5/2035 (*theo thời hạn hợp đồng xử lý chất thải rắn với Sở Tài nguyên và Môi trường và giấy phép đầu tư*).
- Hiện trạng hoạt động: đang vận hành, tiếp nhận 600 tấn/ngày.

b. Nội dung thực hiện:

Căn cứ nội dung hợp Tổ Công tác liên ngành vào ngày 21 tháng 03 năm 2014 tại Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty đã hoàn chỉnh hồ sơ điều chỉnh đơn giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định hiện hành với các nội dung như sau:

- Lập bảng phân tích chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hướng dẫn tại Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 03 năm 2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị. Trong đó, cơ cấu xây dựng đơn giá bao gồm: chi phí trực tiếp (*vật tư, nhân công và ca máy*), chi phí quản lý chung (*bao gồm chi phí chi trả lãi vay vốn ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, chi phí thuê kiểm toán, các khoản phí, lệ phí, ...*) và lợi nhuận định mức.

- Số liệu tính toán trong trường hợp tiếp nhận 1.200 tấn/ngày dựa theo số liệu thực tế qua các năm 2011, 2012 và 2013, trong đó chi phí khấu hao là khấu hao bình quân/năm theo báo cáo kiểm toán năm 2010.

- Tiền lương áp dụng theo Nghị định 182/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của chính phủ về quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động.

- Chi phí quản lý chung: Dựa trên cơ sở số liệu năm 2013 và theo Thông tư số 06/2008/TT-BXD, chi phí sử dụng ca máy, thiết bị chiếm 28,3% trên chi phí trực tiếp nên chi phí quản lý chung được tính bằng 70% trên chi phí nhân công trực tiếp (*bằng 2.850.485,4 USD*). Tuy nhiên, Công ty tính toán chi phí quản lý chung là 2.109.363 USD và thấp hơn 26% so với chi phí quản lý chung được tính toán theo Thông tư số 06/2008/TT-BXD.

- Lợi nhuận định mức được áp dụng là 5% trên chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung theo quy định hiện hành

- Từ các cơ sở nêu trên, Công ty đề xuất chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt với công suất 1.200 tấn/ngày là 21,7 USD/tấn.

2.2. Ý kiến thẩm định của Tổ công tác liên ngành:

- Thống nhất việc điều chỉnh đơn giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Công ty Cổ phần Vietstar là 19 USD/tấn với công suất 1.200 tấn/ngày theo cơ sở tính toán như sau:

+ Cơ cấu xây dựng đơn giá thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 06/2008/TT-BXD bao gồm các hạng mục: chi phí trực tiếp (*vật tư, nhân công và ca máy*), chi phí quản lý chung, lợi nhuận định mức và doanh thu từ các sản phẩm (*compost và hạt nhựa*).

+ Số liệu tính toán đơn giá với công suất 1.200 tấn/ngày căn cứ trên cơ sở báo cáo kiểm toán số 09.11.612/AISC-XD ngày 03 tháng 11 năm 2011 của Công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học Tp.HCM tại Nhà máy xử lý chất thải rắn đô thị do Công ty Cổ phần Vietstar làm chủ đầu tư trong năm 2010 và 6 tháng đầu năm 2011 với công suất trung bình là 600 tấn/ngày.

- Trên cơ sở đơn giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt đã được Tổ công tác liên ngành thống nhất là 19 USD/tấn và bảng cơ cấu đơn giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt do Công ty Cổ phần Vietstar báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường cơ cấu lại đơn giá chi tiết cho Công ty (*đính kèm phụ lục*).

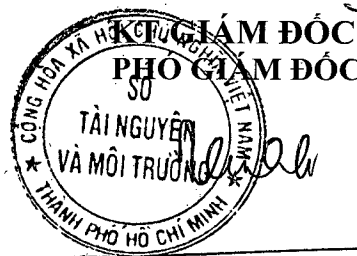
- Trong trường hợp chỉ số giá tiêu dùng (CPI) hàng năm được Cục Thống kê thành phố Hồ Chí Minh công bố tăng từ 3% trở lên (*tức là $\geq 3\%$*), đơn giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt của công ty được điều chỉnh tăng 2% so với đơn giá được duyệt trước đó.

- Đơn giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Trên đây là ý kiến thống nhất của Tổ công tác liên ngành về việc điều chỉnh đơn giá xử lý chất thải rắn của Công ty Cổ phần Vietstar, Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban GD: GD, PGD;
- Thành viên Tổ công tác liên ngành;
- Lưu VP, P. QLCTR (Nghĩa).



Nguyễn Văn Phước

PHỤ LỤC

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ XỬ LÝ XỬ LÝ CHẤT
THẢI RẮN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIETSTAR**

(Đính kèm Tờ trình số **4704**/TTr-TNMT-CTR ngày 07 tháng 7-
năm 2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Năm tài chính	2010 (Theo báo cáo kiểm toán)		Dự kiến ở công suất 1200 tấn/ngày	
		Diễn giải	VND	USD	VND
I.	Doanh thu hoạt động	14.646.113.185	821.339	113.173.620.663	5.379.997
1.	Phí xử lý rác	9.964.176.114	558.781	52.780.502.016	2.509.056
2.	Phân vi sinh	691.213.354	38.763	24.158.075.610	1.148.416
3.	Nhựa phế liệu	3.549.563.717	199.056	32.082.489.619	1.525.123
4.	Phế liệu thu hồi	441.160.000	24.740	4.152.553.418	197.402
II.	Chi phí hoạt động	99.406.650.229	5.574.621	249.028.951.516	11.040.226
A.	Chi phí trực tiếp	56.098.111.288	3.145.924	156.681.318.512	7.011.181
1.	Chi phí nhân công	27.718.922.814	1.554.448	80.977.052.459	3.849.451
1.1	Lương nhân công	24.752.084.624	1.388.071	72.309.839.330	3.437.433
1.2	Phúc lợi (Bảo hiểm)	2.966.838.190	166.377	8.667.213.130	412.018
2.	Chi phí vật liệu	6.401.297.415	358.978	18.700.517.336	888.977
2.1.	Chi phí điện năng	3.253.466.042	182.451	9.504.557.307	451.823
2.2.	Chi phí dầu DO	2.683.716.965	150.500	7.840.113.085	372.700
2.3.	Chi phí dầu nhớt, mỡ bò	86.928.966	4.875	253.951.118	12.072
2.4.	Chi phí EM, vem gốc, cao men	9.489.524	532	27.722.350	1.318
2.5.	Chi phí bao bì, đóng gói	135.225.450	7.583	395.042.709	18.779
2.6.	Chi phí bảo hộ lao động	232.470.468	13.037	679.130.766	32.284
3.	Chi phí sử dụng xe vận chuyển, máy móc thiết bị	21.977.891.059	1.232.497	57.003.748.717	2.272.753
3.1.	Chi phí thuê xe tải vận chuyển rác nội bộ và đi chôn lấp tại bãi chôn	6.410.749.651	359.508	18.728.130.753	890.290
3.2.	Chi phí vật tư và phụ tùng thay thế	3.147.199.228	176.492	9.194.113.303	-
3.3.	Sửa chữa lớn, nâng cấp máy móc thiết bị	141.920.000	7.959	414.599.924	19.709



1.	Tiền com	2.599.010.452	145.750	7.592.654.560	-
2.	Xe đưa đón nhân viên	2.295.206.069	128.713	6.705.131.491	318.746
3.	Chi phí khác	9.502.726.746	532.903	27.760.920.126	1.319.686
4.	Chi phí môi trường	609.063.175	34.156	1.779.294.997	84.583
5.	Chi phí lãi vay + phí vay	12.720.434.245	713.349	23.293.844.058	1.107.332
C.	Chi phí xử lý môi trường	698.893.812	39.193	2.041.722.951	97.059
1.	Chi phí xử lý nước rỉ rác	698.893.812	39.193	2.041.722.951	97.059
D.	Chi phí khấu hao TSCĐ	14.883.204.442	834.635	23.174.064.821	1.101.638
III.	Tính toán chi phí xử lý				
1.	Doanh thu khác (trừ chi phí xử lý rác)	4.681.937.071	262.558	60.393.118.647	2.870.941
2.	Chi phí hoạt động sau khi trừ doanh thu từ hạt nhựa + phân vi sinh	94.724.713.158	5.312.063	188.635.832.868	8.169.284
3.	Tổng lượng rác tiếp nhận (Tấn/Năm)	149.108	149.108	435.600	435.600
4.	Chi phí vận hành / tấn rác tiếp nhận (USD/tấn)	635.274	35,63	433.048	18,75
5.	Dự tính lợi nhuận 5%		1,58		1,13
6.	Phí đề nghị (USD/tấn)		37,20		19,88
	Làm tròn				19

Ghi chú:

- Phương pháp tính toán: căn cứ chi phí xử lý chất thải rắn với công suất năm 2010 đã được kiểm toán với công suất 410 tấn/ngày (khối lượng tiếp nhận là 149.108 tấn/năm) để áp dụng tính toán chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt với công suất 1.200 tấn/ngày (khối lượng tiếp nhận là 435.600 tấn/năm).
- Hạng mục “Chi phí vật tư và phụ tùng thay thế” và “tiền com” được đưa vào hạng mục “chi phí khác” của Chi phí quản lý chung.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí khấu hao máy móc thiết bị, phương tiện vận tải căn cứ theo số liệu của báo cáo kiểm toán.
- Chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt với công suất 1.200 tấn/ngày là 19,88 USD/tấn, được làm tròn là 19 USD/tấn. Phần kinh phí chênh lệch do Công ty Cổ phần Vietstar tự cân đối trong quá trình hoạt động.

